ỦY BAN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

 Số: 3877/GDĐT-TC *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2018*

V/v đăng ký thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông công lập từ hạng II lên hạng I năm 2019

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện;

- Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông công lập;

- Giám đốc TT GDNN-GDTX quận, huyện;

- Thủ trưởng đơn vị trực thuộc.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận công văn số 1678/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2019, Sở Giáo dục và đào tạo
có ý kiến như sau:

Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện; Trường Trung học phổ thông công lập; Trung tâm GDNN-GDTX quận, huyện và Đơn vị trực thuộc Sở căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu để báo cáo và đăng ký số lượng giáo viên phổ thông dự kiến thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I năm 2019, cụ thể:

1. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + nhấp chuột vào liên kết này:

 <https://goo.gl/forms/wrSBnTqTWfO6Mqv13>

1. Nhập đầy đủ các số liệu theo yêu cầu trong bảng.
2. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + P để in bảng biểu.
3. Nhập và nộp báo cáo bằng đường công văn về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ), trước ngày **thứ Bảy ngày 24/11/2018**.

**Lưu ý:**

* Đơn vị nào không có giáo viên đăng ký thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I vẫn nhập báo cáo.
* Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện tổng hợp số liệu từ các đơn vị thuộc phòng rồi nhập vào báo cáo.
* Báo cáo trực tuyến sẽ được đóng vào cuối ngày 24/11/2018.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị đơn vị khẩn trương thực hiện./.

 **TL. GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:* TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ**

- Như trên (*kèm cv số 1678/NGCBQLGD-CSNGCB*);

- Giám đốc Sở (*để báo cáo*);

- Lưu: VT, TCCB. TA. (*Đã ký*)

 **Nguyễn Huỳnh Long**

**PHỤ LỤC**

1. **Điều 4 Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập**

*1. Nhiệm vụ*

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên trung học phổ thông hạng II, giáo viên trung học phổ thông hạng I còn phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Tham gia biên tập, biên soạn, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, học sinh trung học phổ thông;

b) Tham gia hướng dẫn, đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp;

c) Hướng dẫn, đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp tỉnh trở lên;

d) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên đề của chương trình hoặc tham gia các đề tài, nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh trở lên;

đ) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên trung học phổ thông cấp tỉnh;

e) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi hoặc giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh;

g) Tham gia bồi dưỡng, ra đề, chấm thi học sinh trung học phổ thông giỏi từ cấp tỉnh trở lên;

h) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học phổ thông từ cấp tỉnh trở lên.

*2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*

a) Có bằng tốt nghiệp thạc sỹ đúng hoặc phù hợp với môn học giảng dạy trở lên; nếu là phó hiệu trưởng có thể thay thế bằng thạc sỹ quản lý giáo dục trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông nếu không có bằng đại học sư phạm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hạng I.

*3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

a) Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông;

b) Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục trung học phổ thông;

c) Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc áp dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học phổ thông của đồng nghiệp;

d) Vận dụng linh hoạt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế để định hướng hiệu quả nghề nghiệp học sinh trung học phổ thông;

đ) Tích cực và chủ động, linh hoạt trong tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học phổ thông;

e) Có khả năng vận dụng sáng tạo và phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp tỉnh trở lên;

g) Có khả năng hướng dẫn, đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp tỉnh trở lên;

h) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi hoặc giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh;

i) Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng II lên chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng I phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng II tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên.

1. **Điều 4 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập**

*1. Nhiệm vụ*

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên trung học cơ sở hạng II, giáo viên trung học cơ sở hạng I phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Tham gia biên tập, biên soạn, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, học sinh trung học cơ sở;

b) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên đề của nhà trường hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện trở lên;

c) Tham gia hướng dẫn, đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp huyện trở lên;

d) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học cơ sở cấp huyện trở lên;

đ) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên.

e) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học cơ sở từ cấp huyện trở lên.

*2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=03/2014/TT-BTTTT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng I.

*3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

a) Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

b) Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục trung học cơ sở;

c) Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc áp dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở của đồng nghiệp;

d) Vận dụng linh hoạt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế để định hướng nghề nghiệp học sinh trung học cơ sở;

đ) Tích cực và chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh trung học cơ sở;

e) Có khả năng vận dụng sáng tạo và phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên;

g) Có khả năng hướng dẫn đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở;

h) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

i) Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II lên chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng I phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II từ đủ 01 (một năm) trở lên.